TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-ST
Ngày: 25 –10 –2021
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Võ Văn Trường
2 . Bà Lê Thị Chói

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TL.ST-DS, ngày 05 tháng 05 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà Trần Thanh P - Sinh năm 1971
Địa chỉ: Số 58, đường H, Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi lích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Trần Đình K - Văn phòng luật sư Tây Sơn - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

2/ Bị đơn: Ông Trần Dũng E - sinh năm 1979
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh H.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
Bà Hồ Thị X (vợ ông Dũng E)
Bà Trần Thị V –Sinh năm 1980
Bà Trần Thị Kim Hằng, Trần Thanh Tâm
Ông Trần Thiên A- sinh năm 1999
Bà Phan Thị P - sinh năm 1974
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh H.
Bà Nguyễn Thị PH–Sinh năm 1950
Ông Trần Văn B –Sinh năm 1942
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thanh P trình bày: Ngày 15/10/2019 bà được Em ruột là Trần Thị V lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và ngày 23/10/2019 bà được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành chỉnh lý biến động phần đất diện tích 1.158,8m^2 tại thửa 3523 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh H.

Về nguồn gốc phần đất là của cha mẹ là ông Trần Văn B, bà Nguyễn ThịPH tạo lập từ lâu, đến năm 2011 thì ôngB, bà PH chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị V với giá 200.000.000 đồng, đến năm 2012 ông Trần Dũng E xé giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ôngB, bàPHnên đến năm 2016 cha mẹ bà mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại, sau đó năm 2017 thì ông B bà PH mới lập hợp đồng tặng cho bà Trần Thị V, sau đó bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không nhận được đất do ông Trần Dũng E ngăn cản mặc dù đã được nhận 50.000.000 đồng của cha mẹ để tháo dở nhà di dời đi nơi khác, trả lại đất cho ở nhờ nhưng sau đó không thực hiện.

Trên phần đất có căn nhà cấp 4 của ông Trần Dũng E (xây dựng năm 2017); một trại cưa cây (xây dựng năm 2019). Bà yêu cầu ông Trần Dũng E tháo dở nhà ở và trại cưa giao trả lại đất cho bà. Phần nhà cháu Thiện A và bà P thì bà đồng ý tiếp tục ổn định sử dụng.

Quá trình giải quyết bà Trần Thanh P xác định yêu cầu ông Dũng E và vợ ông trả lại giá trị quyền sử dụng đất ông Dũng E đang ở và phần đường đi cho bà theo giá thị trường, không yêu cầu di dời, tháo dở nhà. Tuy nhiên tại vị trí bà P chỉ đồng ý mở lối đi cho ông Dũng E và gia đình phần đường đi có chiều ngang 2m từ nhà đến đường Hùng Vương, về phần đất tại vị trí II bà P chỉ đồng ý cho ông Dũng E ổn định phần đất với chiều ngang là 11m, chiều dài chạy từ sông Cái Muồng ra đến ngang phần nhà kho hiện tại của bà là 30m theo mãnh trích đo số 135-2021

Qua quá trình giải quyết tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngã Sáu và tại Tòa án đã nhiều lần mời ông Dũng E cùng những người liên quan nhưng bị đơn không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên bà Trần Thanh P yêu cầu không hòa giải với bị đơn và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đối với bị đơn ông Trần Dũng E, bà X mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên không trình bày ý kiến.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Dũng E và bà X trả lại giá trị phần đất lấn chiếm cho Nguyên đơn theo giá thị trường, bà P đồng ý ổn định phần đất và nhà theo lược cho ông Dũng E nên đề nghị ghi nhận

Đồng ý ổn định cho ông Dũng E cùng vợ, con ông Dũng E phần đất tranh chấp, không yêu cầu trả lại đất nhưng yêu cầu trả lại giá trị đất theo giá thị trường theo kết quả định giá cho bà P, tuy nhiên đối với phần đường đi (vị trí I1; IA1) chỉ đồng ý ổn định với chiều ngang là 2m chạy dài từ đường Hùng Vương cho đến phần đất ông Dũng E đang sử dụng,vì đối với phần đất này thì ông Dũng E đã xây dựng thêm phần đường đi lấn qua đất bà, bà có báo với chính quyền địa phương lập biên bản về việc xây dựng của ông Dũng E; đối với phần nhà ở và sân (vị trí II) của ông Dũng E thì bà P chỉ đồng ý ổn định với chiều ngang là 11m chiều dài từ sông Cái Muồng lên là 30m, phần còn lại chiều dài khoản 5m thì tháo dở công trình trả lại đất cho bà.

Tại phiên tòa, bà Trần Thanh P thống nhất với trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà và chỉ yêu cầu ông Dũng E; bà X trả lại giá trị đất lấn chiếm cho bà theo giá thị trường tại kết quả định giá, không yêu cầu di dời nhà trả lại đất. Đồng ý ổn định cho ông Dũng E cùng vợ, con ông Dũng E phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án xác định việc thụ lý, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật;

Nguyên đơn đã chấp hành tốt pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, Ngoài ra các thủ tục tố tụng được tống đạt cho đương sự và gửi cho viện kiểm sát đúng thời hạn, bị đơn chưa chấp hành tốt pháp luật từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, quá trình giải quyết bị đơn không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nên đề nghị xét xử vắng mặt đối với bị đơn, các thủ tục tố tụng tại phiên tòa, xét hỏi, tranh luận được tiến hành bảo đảm và đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 9 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166, Điều 221 Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 166, Điều 170, Điều 302 Luật đất đai 2013, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh P

Buộc ông Trần Dũng E, bà Hồ Thị X có trách nhiệm trả lại giá trị sử dụng phần đất tranh chấp cho bà Trần Thanh P với số tiền tổng cộng là 869.612.900 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thanh P về việc công nhận và ổn định cho ông Trần Dũng E và bà Hồ Thị X phần đất tại vị trí II diện tích là 384,4m^2; phần đất tại vị trí I1 loại đất CLN diện tích 67m^2; vị trí IA1 diện tích là 17,9m^2 có tứ cận theo mãnh trích đo địa chính 135-2021 ngày 14/5/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng Hiện Đại - Chi nhánh Hậu Giang, về án phí và chi phí thẩm định, định giá ông Trần Dũng E, bà Hồ Thị X phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thạnh P cho rằng ông Trần Dũng E cùng vợ lấn chiếm phần đất của bà được cha mẹ tặng cho hợp pháp để xây dựng nhà ở và làm đường đi nên khởi kiện yêu cầu ông Trần Dũng E, bà Hồ Thị X trả lại giá trị phần đất lấn chiếm cho bà theo giá thị trường.

Xét đây là vụ án Tranh chấp về quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy bị đơn hiện đang sinh sống và cư trú tại ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với Bị đơn ông Dũng E và bà Hồ Thị X mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên không trình bày ý kiến, đối với bà Phấn, ôngB, bà Phan Thị P, Trần ThiệnA đã có đơn xin

xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bà Trần Thanh P xác định chỉ yêu cầu ông Dũng E và bà X trả lại giá trị đất lấn chiếm cho bà theo kết quả định giá theo giá thị trường.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà P cho thấy: về nguồn gốc đất, căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY666866 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 23/8/2016 cho ông Trần VănB (cha của bà P và ông Dũng E) tại thửa 3523, 3524 tờ bản đồ 03 tại Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh H.

Căn cứ hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất thì ngày 26/9/2019 ông Trần VănB, bà NguyễnThịPHcó tặng cho bà Trần Thị V toàn bộ phần đất nêu trên được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành chỉnh lý biến động. Sau đó bà Trần Thị V tặng cho lại bà Trần Thanh P toàn bộ phần đất trên và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành chỉnh lý biến động ngày 23/10/2019.

Căn cứ lời khai của ông Trần VănB, bà Nguyễn Thị Phấn, bà Trần Thị V (là cha, mẹ và chị của ông Trần Dũng E, bà Trần Thị P) có cơ sở xác định ôngB, bà Phấn, bà V có thực hiện việc chuyển nhượng và tặng cho lại bà P phần đất tại thửa 3523, 3524 tờ bản đồ 03 phần đất tọa lạc tại ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, Hậu Giang (trong đó có phần đất ông Trần Dũng E cùng gia đình đang sử dụng hiện nay và tranh chấp với bà Trần Thị P).

Theo kết quả đo đạc thực tế tại mãnh trích đo địa chính số 135-2011 tờ bản đồ 03 cho thấy phần đất tranh chấp tại vị trí ông Trần Dũng E lấn chiếm xây dựng nhà và sử dụng có diện tích 384,4m^2 tại vị trí II và phần đường đi ra đường Hùng Vương tại vị trí I1 diện tích là 67m^2 (thửa 3523); vị trí IA1 diện tích là 17,9m^2 (thửa 3524) theo lược đồ ngày 14/5/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng Hiện Đại - Chi nhánh Hậu Giang, qua kết quả đo đạc cho thấy tất cả các phần đất tranh chấp đều nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị P tại thửa 3523, thửa 3524 tờ bản đồ 03 của ông Trần VănB đã tặng cho lại cho bà Trần Thanh P sử dụng.

Tại Khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định như sau: *"... Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất..."*

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự về quyền đòi lại tài sản thì *"Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật."*

Như vậy, có căn cứ xác định phần đất ông Trần Dũng E và bà Hồ Thị X (vợ ông

Dũng E) đang sử dụng là phần đất của bà Trần Thanh P được tặng cho hợp pháp (có nguồn gốc từ phần đất cha mẹ tặng cho) nên có cơ sở buộc ông Dũng E và bà X có trách nhiệm trả lại giá trị phần đất này theo giá thị trường cho Nguyên đơn là có cơ sở, đúng quy định và phù hợp với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Trần Dũng E, bà X không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần VănB, bà Nguyễn ThịPHvà các tài liệu chứng cứ thu thập được từ đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh P buộc bị đơn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà.

Tại biên bản xác minh của Tòa án cho thấy ông Trần Dũng E ngoài nhà đã xây dựng trên phần đất tranh chấp thì không còn nhà ở nào khác nên việc bà Trần Thanh P đồng ý tiếp tục ổn định cho bị đơn trên phần đất tranh chấp và buộc ông Dũng E bà X trả lại giá trị đất lấn chiếm cho Nguyên đơn theo kết quả định giá là phù hợp. Mặc khác, qua xác minh cho thấy thực tế ông Dũng E cùng vợ là bà Hồ Thị X đang ở trên phần đất tranh chấp nên buộc bà X cùng với ông Dũng E có trách nhiệm trả lại giá trị đất cho Nguyên đơn là có căn cứ.

Xét thấy, tại phiên tòa, bà P không đồng ý mở lối đi với chiều ngang là 3,3m như kết quả đo đạc mà chỉ đồng ý mở lối đi cho ông Dũng E với chiều ngang 2m. Xét yêu cầu mở lối đi cho ông Dũng E với chiều ngang 2m là phù hợp, bảo đảm việc thuận tiện đi lại cũng như bảo đảm quyền lợi các bên vì theo kết quả đo đạc cho thấy chiều ngang phần đất còn lại của bà P giáp với đường Hùng Vương là không lớn, việc ông Dũng E tự ý xây dựng thêm phần đường đi và không được sự đồng ý của bà P là lỗi của ông Dũng E nên ông Dũng E có trách nhiệm tự tháo dở phần đường đi còn lại tại các vị trí I để trả lại phần đất cho bà P là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của bà P tại phần đất tranh chấp tại vị trí số II chỉ đồng ý ổn định cho ông Dũng E với chiều ngang là 11m; chiều dài là 30m từ sông Cái Muồng lên, phần kiến trúc trên phần đất này yêu cầu buộc ông Dũng E tháo dở trả lại đất cho bà, xét thấy qua kết quả thẩm định thì ông Dũng E đã xây dựng nhà, hàng rào kiên cố... trên toàn bộ phần đất lấn chiếm nếu buộc tháo dở sẽ gây thiệt hại lớn, Do đó, xét thấy cần thiết tiếp tục ổn định cho ông Dũng E phần này và buộc bị đơn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà P theo giá thị trường là phù hợp.

Căn cứ kết quả định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất thì phần đất tranh chấp tại vị trí II loại đất CLN diện tích 384,4m^2 với giá là 1.853.000 đồng = 712.293.2000 đồng; phần đất tranh chấp tại vị trí I1 loại đất CLN diện tích 67m^2 với giá là 1.853.000 đồng/m^2 = 124.151.000 đồng; phần đất tranh chấp tại vị trí IA1 loại đất CLN diện tích 17,9m^2 với giá 1.853.000 đồng/m^2 = 33.168,700 đồng. Như vậy có căn cứ buộc ông Trần Dũng E và bà Hồ Thị X có trách nhiệm trả lại giá trì quyền sử dụng đất theo giá thị trường cho bà Trần Thanh P với số tiền tổng cộng là 869.612.900 đồng.

Công nhận và ổn định cho ông Trần Dũng E và bà Hồ Thị X phân đất có vị trí như sau: phần đất tại vị trí II diện tích là 384,4m^2, phần đất tại vị trí I1 loại đất CLN diện tích

67m^2; vị trí IA1 diện tích là 17,9m^2.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng như yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá: Áp dụng Điều 147, Điều 157, Điều 165 bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn không phải chịu án phí, bị phải chịu án phí, chi phí xE xét thẩm định, định giá theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 166, Điều 221 Bộ luật dân sự;

Điều 3, Điều 12, Điều 166, Điều 170, Điều 302 Luật đất đai 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh P về việc yêu cầu ông Trần Dũng E bà Hồ Thị X trả lại giá trị quyền sử dụng đất.

Buộc ông Trần Dũng E, bà Hồ Thị X có trách nhiệm trả lại giá trị sử dụng phần đất tranh chấp cho bà Trần Thanh P với số tiền tổng cộng là 869.612.900 đ (*Tám trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm mười hai nghìn chín trăm đồng)*.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thanh P về việc công nhận và ổn định cho ông Trần Dũng E và bà Hồ Thị X phần đất tại vị trí II diện tích là 384,4m^2; phần đất tại vị trí I1 loại đất CLN diện tích 67m^2; vị trí IA1 diện tích là 17,9m^2 có tứ cận theo mãnh trích đo địa chính 135-2021 ngày 14/5/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế xây dựng Hiện Đại - Chi nhánh Hậu Giang.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thanh P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003929 ngày 05/05/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ông Trần Dũng E, bà Hồ Thị X phải chịu án phí là 38.088.387 đồng (*Ba mươi tám triệu không trăm tám mươi tám nghìn ba trăm tám mươiB nghìn)*

Chi phí thẩm định đo đạc, định giá ông Trần Dũng E; bà Hồ Thị X phải nộp là 18.750.000 đồng để trả lại cho bà Trần Thanh P.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CC THA DS h.Châu Thành;
- VKSND h.Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Kỉnh